

Bình Phước, ngày 05 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO
Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Bình Phước

Thực hiện Công văn số 229/STC-TTr ngày 03/02/2021 của Sở Tài chính về việc báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sau đây viết tắt là THPTK, CLP) năm 2020, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội xin báo cáo như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Luôn thực hiện nghiêm túc công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các văn bản liên quan về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến toàn thể cán bộ công chức, viên chức và người lao động cơ quan và các đơn vị trực thuộc, gắn với sinh hoạt ngày pháp luật, sinh hoạt của tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên, cụ thể các văn bản tuyên truyền về: Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 của Quốc Hội có hiệu lực thi hành ngày 1/4/2014, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 8/9/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật THPTK, CLP, Quyết định số 2544/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng chính phủ về ban hành chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2020; Quyết định 217/QĐ-TTg ngày 13/02/2018 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành chương trình tổng thể của Chính phủ về THPTK, CLP năm 2018, Công văn số 6170/BTC-PC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính về việc triển khai Chương trình tổng thể của Chính phủ về THPTK, CLP, Quyết định số 1284/QĐ-BTC ngày 11/7/2017 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc ban hành chương trình THPTK, CLP năm 2017 và giai đoạn đến 2020 của Bộ Tài chính. Thanh tra Chính phủ đã ban hành Kế hoạch hành động số 174/QĐ-TTCP về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THPTK, CLP) năm 2018. Kết luận số 91-KL/TU ngày 12/4/2017 của Thường trực tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW3 khóa X “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”. Tiếp tục học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo chỉ thị số 05/CT/TW ngày 15/05/2016 của Bộ Chính trị.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THPTK, CLP:

Căn cứ Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí và Nghị quyết, Chỉ thị, Quyết định của Thủ tướng chính phủ ban hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Duy trì triển khai ngày pháp luật theo chỉ đạo của UBND tỉnh, kết hợp Nghị quyết của Công đoàn cơ sở, Sở LĐTBXH đã có quy định về việc sinh hoạt văn bản cho toàn bộ cán bộ, công chức, người lao động định kỳ 02 lần/tháng vào ngày thứ 6 hàng tuần. Nội dung sinh hoạt là phổ biến, quán triệt các văn bản mới trong đó có các văn bản về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng.

Triển khai đến các đơn vị trực thuộc xây dựng chương trình kế hoạch và thực hiện nghiêm trong công tác THPTK, CLP tại đơn vị mình trong công tác quản lý, sử dụng NSNN theo quy định, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến thường xuyên đến CB, CC, VC người lao động đang công tác tại đơn vị và đơn vị trực thuộc về các chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ, công tác tiếp công dân, tự giác trong công tác phê bình và tự phê bình để kịp thời chấn chỉnh những CB, CC, VC và người lao động có những hành vi vi phạm.

Sở đã xây dựng chương trình kế hoạch cho toàn ngành và triển khai đồng bộ đến các đơn vị sự nghiệp trực thuộc để thực hiện; đồng thời xem đây là một trong những nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của ngành. Đến nay, tất cả các đơn vị trực thuộc, đã xây dựng chương trình kế hoạch THPTK, CLP của đơn vị và gửi báo cáo cho Sở. Các chương trình kế hoạch đều có trọng tâm, trọng điểm, có phân công trách nhiệm cụ thể cho tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện.

Đẩy mạnh công tác học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về THPTK, CLP trong CBCC và người lao động đang công tác thuộc ngành quản lý.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về các lĩnh vực công tác liên quan đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, xây dựng và ban hành các văn bản cụ thể hóa chủ trương, chính sách về THPTK, CLP.

- Tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thành nề nếp trong cơ quan, đơn vị và phát huy vai trò của Thanh tra nhân dân trong việc giám sát chi tiêu nội bộ về công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

II. Tình hình, kết quả THPTK, CLP chống lãng phí trong các lĩnh vực:

*** Kết quả THPTK, CLP, cụ thể trong các lĩnh vực:**

1. Về THPTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

Nhằm thực hiện tốt công tác THPTK, CLP hàng năm đơn vị đều căn cứ vào các quy định của Nhà nước ban hành để làm cơ sở xây dựng định mức chi tiêu phù hợp và công khai tài chính rõ ràng, minh bạch để CBCC, VC, người lao động cùng có ý kiến đóng góp để xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu rõ ràng, cụ thể, Trong năm 2020 đơn vị đã ban hành Quyết định số 06/QĐ-SLĐTĐBXH ngày 17/01/2020 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. Đến nay việc áp dụng quy chế chi tiêu nội bộ đã góp phần đảm bảo được chi phí trong hoạt động của đơn vị.

2. Về THPTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí NSNN:

Thực hiện chủ trương của chính phủ, khi lập dự toán, phê duyệt, quyết toán đơn vị đã thực hiện tiết kiệm 10% dự toán chi hoạt động thường xuyên để chi cải cách tiền lương cho CBCC theo quy định và 70% chi phí tổ chức Hội nghị, tập huấn.

3. THPTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan:

Năm 2020 đơn vị có tổ chức mua sắm tài sản phục vụ cho công tác chuyên môn, đối với việc sử dụng tài sản luôn đảm bảo tiết kiệm, cụ thể khi sử dụng xe ô tô đi công tác phải kết hợp nhiều công việc để đi một lần, các phương tiện phục vụ hội nghị như máy tính, đèn chiếu ... kết hợp nhiều phòng sử dụng chung 01 máy. Về phương tiện thông tin, liên lạc đơn vị thực hiện theo hình thức thanh toán theo hoá đơn thực tế đến từng phòng ban nhưng không quá định mức quy định, tránh sử dụng điện thoại cho việc riêng cá nhân.

Bám sát dự toán, hạn chế tối đa việc sử dụng phương tiện đi lại và tiết kiệm trong việc mua sắm, sửa chữa, tổ chức hội nghị, tổ chức các hoạt động vào các ngày lễ lớn.

4. THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng, quản lý sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ ...: Trụ sở làm việc của Sở được xây dựng từ năm 2001, đến nay số biên chế đã tăng gấp đôi nên thiếu nơi làm việc, Sở LĐTĐBXH đã bố trí các phòng ban liên quan chung một phòng làm việc, từ đó đã tiết kiệm chi NSNN các khoản như điện thấp sáng, trang thiết bị làm việc về chuyên môn ...

5. THPTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động:

Thực hiện nghiêm quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế, không tăng biên chế cán bộ, công chức, viên chức. Việc tổ chức bộ máy đảm bảo chặt chẽ, bố trí đúng chuyên môn, trình độ.

Về sử dụng lao động và thời gian làm việc của CBCC: Được cụ thể tại nội quy của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội được ban hành theo Quyết định số 04/QĐ-SLĐTĐBXH ngày 16/01/2020 của Sở Lao động – Thương binh

và Xã hội trong đó quy định về chế độ làm việc, thời gian làm việc, biện pháp xử lý vi phạm ... đã được tất cả CBCC thực hiện nghiêm túc, hầu hết cán bộ, công chức, viên chức, sử dụng thời gian làm việc có hiệu quả, không đi muộn về sớm, không sử dụng thời gian làm việc vào mục đích cá nhân, không có tình trạng say xỉn hoặc có biểu hiện rượu bia trong giờ làm việc, qua đó đã nâng cao hiệu quả làm việc.

*** Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí:**

- Không có hành vi lãng phí xảy ra tại đơn vị.

III. Đánh giá chung:

1. Đánh giá kết quả đạt được:

Nhìn chung trong năm 2020, Sở thực hiện tốt công tác THPTK, CLP, phòng chống tham nhũng của ngành, cụ thể như: luôn quán triệt các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về công tác THPTK, CLP, phòng chống tham nhũng; tinh thần và ý thức trách nhiệm của toàn thể công chức, viên chức, người lao động trong công tác THPTK, CLP, phòng chống tham nhũng ngày càng được nâng cao.

Ý thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành về THPTK, CLP, PCTN được nâng cao, cán bộ Đảng viên thực hiện tốt những điều Đảng viên không được làm, luôn tự giác chấp hành đúng các quy định về THPTK, CLP, PCTN.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Việc triển khai thực hành tiết kiệm chống lãng phí được sự đồng tình của tập thể. Tuy nhiên, hiệu quả chưa cao do ý thức một số CBCC, VC còn tính ỷ lại, trông chờ, chưa phát huy hết vai trò, nhiệm vụ. Khi thực hiện công tác có tính chất phối hợp chưa có kế hoạch cụ thể dẫn tới thời gian phải kéo dài, thành phần, số lượng người tham gia quá nhiều, thực hiện chuyên môn còn trùng lặp làm ảnh hưởng tới hoạt động của đơn vị.

3. Những kinh nghiệm rút ra:

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, triển khai về THPTK, CLP. Xây dựng kế hoạch thực hiện sát với nhiệm vụ được giao, bám sát chương trình, thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát và công tác phê bình, tự phê bình.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong những năm tiếp theo:

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong những năm tiếp theo, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp như sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tự kiểm tra, thanh tra trách nhiệm các phòng ban, đơn vị trực thuộc Sở kết hợp thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng.

- Công khai các thủ tục hành chính, đồng thời tiếp tục rà soát, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ những thủ tục

hành chính không cần thiết, gây phiền hà cho nhân dân. Duy trì công khai tài chính, minh bạch trong các hoạt động của cơ quan về mua sắm công, xây dựng cơ bản, kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu.

- Tiếp tục thực hiện công tác tiếp công dân; giải quyết kịp thời các đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị có liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành theo quy định.

V. Đề xuất, kiến nghị:

- Tiếp tục học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo THPTK, CLP từ tỉnh đến cơ sở, thực hiện nghiêm quy định của Luật THPTK-CLP.

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phát huy hơn nữa tính tiên phong, gương mẫu của tổ chức Đảng và đảng viên trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, vai trò của chi bộ trong quản lý, giáo dục đảng viên.

- Tiếp tục tăng cường công tác công khai tài chính, minh bạch trong các hoạt động của cơ quan về mua sắm công, xây dựng cơ bản, kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội gửi đến Sở Tài chính tỉnh Bình Phước xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận: *fn*

-Như trên;

-Lưu VT,VP.(Ng-3)



GIÁM ĐỐC

Huỳnh Thị Thùy Trang

PHỤ LỤC SỐ 03

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC LÀ ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NĂM 2020

(Kèm theo Công văn số 95/STC-TTr ngày 19/01/2021 của Sở Tài chính)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	Tổng cộng (A+B+C)	100	95
A	Một số tiêu chí tiết kiệm trong chi thường xuyên (A=I+II+III)	70	65
I	Kết quả tiết kiệm một số chỉ tiêu cụ thể	55	55
1	Chi sách, báo, tạp chí	6	6
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	6	6
3	Chi sử dụng điện	6	6
4	Chi xăng, dầu	6	6
5	Chi sử dụng nước	6	6
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp	6	6
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	6	6
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	6	6
9	Chi thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; Kinh phí bố trí để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù như: Kinh phí tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế được bố trí kinh phí riêng; kinh phí thực hiện các Đề án, Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	7	7
II	Thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác theo quy định pháp luật của cấp có thẩm quyền (trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách không có chức danh lãnh đạo có đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được điểm tối đa tiêu chí này)	5	0
	Đã thực hiện khoán	5	
	Chưa thực hiện khoán	0	0
III	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	10
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	10
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
B	Kết quả tiết kiệm tổng kinh phí quản lý hành chính giao để thực hiện chế độ tự chủ đối với cơ quan nhà nước (loại	30	30



	trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)		
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	30
C	Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên		
1	Có khoản chi bị Kho bạc nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	
2	Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	
3	Có trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	

Đơn vị sử dụng ngân sách là cơ quan nhà nước có trách nhiệm đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của đơn vị mình theo hướng dẫn tại Điều 4 và Phụ lục số 07 Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính.

Bình Phước, ngày 05 tháng 02 năm 2021

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



GIAM ĐOC



Nguyễn Thị Thùy Trang

Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Công văn số 95/STC-TTr ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Sở Tài chính)

Tên cơ quan lập báo cáo : SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH BÌNH PHƯỚC

KẾT QUẢ XỬ LÝ HÀNH VI LÃNG PHÍ

(Số liệu tính từ ngày 01/01/ 2020 đến ngày 31/12/2020)

Đơn vị	Thông tin phát hiện lãng phí nhận được, vụ việc lãng phí trong kỳ báo cáo		Tổng số vụ việc đã giải quyết	Đã xử lý						Chưa xử lý			Ghi chú				
	Trong đó			Bồi thường thiệt hại		Xử lý hành chính		Xử lý kỷ luật		Chuyển hồ sơ xử lý hình sự							
	Thông tin phát hiện lãng phí nhân được	Vụ việc lãng phí		Số người bồi thường	Số tiền bồi thường (triệu đồng)	Số vụ việc	Số người bị xử lý	Số vụ việc	Số người bị xử lý	Số vụ việc đã chuyển hồ sơ xử lý hình sự	Số vụ việc đã khởi tố	Số đối tượng đã khởi tố		Số vụ chưa xử lý	Số người chưa xử lý	Nguyên nhân	
MS	1=2+3	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Tổng																	Sở Lao động TBXH chưa vi phạm hành vi lãng phí

Bình Phước, ngày 05 tháng 02 năm 2021

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Đang Thị Nguyệt Hương

Phụ lục số 01

(Ban hành kèm theo Công văn số 95/STC-TTr ngày 19/01/2021 của Sở Tài chính)

Mẫu biểu theo dõi, tổng hợp kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố

Tên cơ quan lập báo cáo: SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH BÌNH PHƯỚC

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: Năm 2020

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú	
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch		
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9	
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ								
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	văn bản		1	1			100	
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	văn bản							
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	cuộc		2	2			100	
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	vụ							
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	triệu đồng							
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)								
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN								
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng							
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chi đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng		71	71			100,00	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN		0	260	229		88,08	
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		0	140	129		92,14	
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng		15	15		100	
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng		10	10		100	
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng		10	10		100	
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng		20	15		75	
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng		5	5		100	
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng		15	15		100,00	
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng		15	15		100,00	
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng		20	24		120	
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng		30	20		66,66666667	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							
	Thảm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đầu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng						
	Các nội dung khác							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng		120	100		83,33333333	
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						

Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú	
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch		
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9	
4	Các nội dung khác								
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước								
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)								
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc		5	5			100	
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc							
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc							
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc							
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng							
2	Tài sản khác								
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản							
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản							
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng							
3	Các nội dung khác								
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng								
1	Trong đầu tư xây dựng								
1.1	Số lượng dự án chưa thiết đã cắt giảm	dự án							
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng							Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- <i>Thâm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng							
	- <i>Thực hiện đầu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng							
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng							
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng							
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng							
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án							
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ								

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						Số sánh với năm trước	Số sánh với kế hoạch	
1	Số lượng	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	đơn án						
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2						
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Tân (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được	triệu đồng						
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng						
	<i>Thực hiện đầu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng						
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng						
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án						
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN	triệu đồng						
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng						
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng						
4	Mua sắm tài sản, phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con	chiếc						
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc						
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc						
	Số lượng xe mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng						
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc						
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
VIII	THHTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THHTK, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THHTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THHTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú	
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch		
1		2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã hoàn thành	cuộc							
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị							
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị							
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng							
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng							

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

Mgdz
Nguyễn Ngự

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thuý Dung